

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/DS-PT
Ngày 18-5-2018
V/v tranh chấp liên quan đến tài
sản bị cưỡng chế để thi hành án.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đồng Chung

Các Thẩm phán: Ông K'Tiêng và ông Lương Đức Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Thanh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cần - Kiểm sát viên.

Ngày 18-5-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLPT-DS, ngày 21-3-2018 về việc: “*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 01-02-2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2018/QĐ-PT, ngày 23 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn T – Vắng mặt;

Anh Lê Văn N – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện ủy quyền của anh Lê Văn T và anh Lê Văn N: Ông Nguyễn Khánh L (văn bản ủy quyền ngày 29-3-2017) – Có mặt;

Địa chỉ: Số 255, đường T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Chị Lê Thị Út L – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Anh Lê Tấn T – Có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện ủy quyền của chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T: Ông Nguyễn Khánh L (văn bản ủy quyền ngày 24-3-2017) – Có mặt;

Địa chỉ: Số 255, đường T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn C – Có mặt;

Bà Trần Thị S – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái C – Chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông (văn bản ủy quyền ngày 02-5-2018) – Có mặt;

Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện ngày 09-12-2016 của anh Lê Văn T, anh Lê Văn N, chị Lê Thị Út L, anh Lê Tấn T và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án:*

Năm 2002, ông Lê Văn C, bà Trần Thị S nhận chuyển nhượng của người đồng bào 01 lô đất rẫy, diện tích 84.412m², tọa lạc tại thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ lập giấy viết tay. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông bà sử dụng ổn định; ngày 07-6-2009 ông C làm đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 84.412m²; đến ngày 22-12-2009 được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 156622, thửa đất số 08, 13 và 17, tờ bản đồ số 44, diện tích 84.412m² cho hộ Lê Văn C, vợ Trần Thị S.

Do ông C vay tiền của nhiều người nhưng không thanh toán được nợ, nên họ đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, ông C không trả được nợ, cũng không tự nguyện thi hành án được. Sau đó, Chi cục thi hành án dân sự huyện K đã kê biên các thửa đất số 08, 13 và 17 tờ bản đồ số 44, diện tích 84.412m² và tài sản trên đất để thi hành án. Quá trình thi hành án, Chi cục thi hành án đã không thông báo cho anh Lê Tấn T, chị Lê Thị Út L về phân chia tài sản chung của hộ gia đình. Ngày 09-9-2016, Chi cục Thi hành án dân sự huyện K đã ban hành Quyết định số 129/QĐ-THADS để giao một phần tài sản của hộ ông C cho vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H là người được thi hành án để trừ nghĩa vụ của ông C.

Không đồng ý việc giao tài sản chung của hộ gia đình để thực hiện nghĩa vụ cho ông C vì cho rằng các anh chị đều có công sức đóng góp vào khối tài sản trên nên anh Lê Văn T, anh Lê Văn N, chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung bằng hiện vật đối với các thửa đất số 08, 13 và 17, tờ bản đồ số 44, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BA 155662, ngày 22-12-2009 với tổng diện tích 84.412m^2 (sử dụng thực tế $61.058,3\text{m}^2$ đo đạc ngày 05-10-2016) thành 06 phần bằng nhau gồm: ông Lê Văn C, bà Trần Thị S, anh Lê Văn N, anh Lê Văn T, chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền cho các nguyên đơn anh N, anh Lê Văn T, chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T đã rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung; bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất số BA 155662, ngày 22-12-2009 đứng tên hộ Lê Văn C, vợ Trần Thị S là tài sản chung của hộ gia đình, gồm ông Lê Văn C, bà Trần Thị S, chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T.

- Bị đơn ông Lê Văn C, bà Trần Thị S trình bày:

Ông C, bà S thừa nhận lời khai của nguyên đơn anh Lê Văn T, anh Lê Văn N, chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T và của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về nguồn gốc đất là đúng. Năm 2009, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 156622, thửa đất số 08, 13 và 17, tờ bản đồ số 44, diện tích 84.412m^2 cho hộ Lê Văn C, vợ Trần Thị S. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ gia đình ông, bà có 04 người gồm ông Lê Văn C, bà Trần Thị S, chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T; còn anh Lê Văn T, anh Lê Văn N đã tách khẩu từ tháng 01-2008. Ông, bà cho rằng toàn bộ diện tích đất 84.412m^2 (thực tế sử dụng $61.058,3\text{m}^2$ theo kết quả đo đạc ngày 05-10-2016 là tài sản chung của cả gia đình nên đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Út L, anh Lê Tấn T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện K trình bày:

Về quy trình cưỡng chế, kê biên đối với tài sản của ông Lê Văn C đúng theo quy định của pháp luật. Ông Lê Văn C, bà Trần Thị S cũng công nhận lô đất rẫy cao su tại thôn T, xã N, huyện K là tài sản chung của vợ chồng. Chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T cũng thừa nhận từ nhỏ sinh sống với bố mẹ là ông C, bà S ngoài thời gian đi học thì có góp công sức làm rẫy với bố mẹ. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Út L, anh Lê Tấn T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ông S, bà H đã được cơ quan Thi hành án dân sự huyện K giao tài sản theo đúng quy định của pháp luật; ông, bà không có ý kiến gì thêm và xin xét xử vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 01-02-2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã Quyết định:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T, anh Lê Văn N, chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T về việc công nhận thửa đất có diện tích 84.412m² (đất thực tế đang canh tác là 61.058,3m²), thửa đất số 08, 13 và 17, tờ bản đồ số 44, đất tọa lạc tại thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, theo giấy quyền sử dụng đất số BA 156622 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 22-12-2009 cho hộ Lê Văn C, vợ Trần Thị S cho 4 người, gồm ông Lê Văn C, bà Trần Thị S, chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09-02-2018 chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, công nhận cho anh chị có quyền sử dụng đối với thửa đất số 08, 13 và 17, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Lê Tấn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Út L là ông Nguyễn Khánh L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, công nhận quyền sử dụng đất đã cấp giấy chứng nhận số BA 156622, gồm các thửa đất số 08, 13 và 17, tờ bản đồ số 44 là tài sản chung của hộ gia đình; bị đơn ông Lê Văn C không có ý kiến gì; đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Út L, anh Lê Tấn T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Khánh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 01-02-2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về nguồn gốc thửa đất số 08, diện tích 31.996m²; thửa số 13, diện tích 25.333m² và thửa số 17, diện tích 27.083m² khi ông Lê Văn C kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07-6-2009 do nhận chuyển nhượng tháng 11-2002 (BL 15). Ngày 22-12-2009, được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ số BA 156622, gồm các thửa đất số 08, diện tích 31.996m²; thửa số 13, diện tích 25.333m² và thửa số 17, diện tích 27.083m², tờ bản đồ số 44, đứng tên hộ Lê Văn C, vợ Trần Thị S, tọa lạc tại: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chị Lê Thị Út L, sinh năm 1991 (18 tuổi) và anh Lê Tấn T, sinh ngày 16-6-1995 (14 tuổi) - BL 19, 22 và 32; còn anh Lê Văn N, anh Lê Văn T tháng 01-2008 đã tách hộ khẩu riêng, không còn chung hộ khẩu với ông C, bà S (BL 26 và 30).

[2]. Do làm ăn thua lỗ, ông Lê Văn C đã vay tiền của nhiều người trong đó có ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H là 400.000.000 đồng. Sau khi bản án sơ thẩm số 14/2010/DS-ST ngày 19-7-2010 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô (BL 69-70) và bản án phúc thẩm số 71/2010/DS-PT ngày 30-9-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông có hiệu lực pháp luật ông C là người phải thi hành án vẫn không trả được nợ, cũng không tự nguyện thi hành án. Ngày 14-4-2011, chấp hành viên đã ban hành Quyết định số 08/QĐ-THA kê biên quyền sử dụng đất thửa số 13 và 17, tờ bản đồ số 44, diện tích 39.177m² cùng tài sản gắn liền với đất 1.914 cây cao su. Qua đấu giá, ngày 22-3-2016, người được thi hành án ông S, bà H đã đồng ý nhận toàn bộ tài sản kê biên, trị giá 699.397.000 đồng và thông báo trong hạn 30 ngày ông C, bà S nộp tiền để nhận tài sản bị kê biên nhưng ông C, bà S vẫn không nộp (BL 47). Ngày 29-7-2016, Chấp hành viên đã ban hành Quyết định số 19/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế buộc ông C, bà S phải chuyển giao đất, tài sản trên đất cho ông Nguyễn Văn S, bà H.

[3]. Tại biên bản giải quyết việc thi hành án ngày 09-8-2016 ông Lê Văn C khẳng định tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nêu trên là tài sản của tôi (Lê Văn C) và vợ là (Trần Thị S) tạo lập lên, không liên quan đến người khác (BL 51-60). Đến ngày 09-9-2016, Chấp hành viên đã thực hiện việc cưỡng chế giao toàn bộ tài sản đã kê biên cho ông Nguyễn Văn S, bà H theo quy định pháp luật (BL 47).

[4]. Sau khi cưỡng chế, ngày 22-9-2016 chị Lê Thị Út L, anh Lê Tấn T có đơn kiến nghị với nội dung: *“không nhận được thông báo thi hành án, không đồng ý việc kê biên lô đất rẫy của hộ gia đình, đề nghị chia tài sản cho hộ gia đình và giao rẫy cho gia đình quản lý, sử dụng trong thời gian chờ giải quyết”*. Quá trình giải quyết khiếu nại, ngày 28-9-2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện K đã làm việc với chị

Lê Thị Út L, anh Lê Tấn T theo đó cả Lê Thị Út L, anh Lê Tấn T đều khẳng định sống từ bé với ông C, bà S và đi học, ngoài giờ học ở trường thì Lê Thị Út L, anh Lê Tấn T đóng góp công sức vào việc làm rẫy (BL 53).

[5]. Tại Quyết định về việc giải quyết khiếu nại số 02/QĐ-CCTHADS ngày 28-11-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K và Quyết định giải quyết khiếu nại số 147/QĐ-CCTHADS ngày 23-02-2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông đều không chấp nhận nội dung khiếu nại của Lê Thị Út L, anh Lê Tấn T.

[6]. Biên bản làm việc ngày 16-5-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K thì ông C, bà S có ý kiến: Hiện nay tài sản chung của chúng tôi là lô đất rẫy trồng cao su tại thôn T, xã N, huyện K đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện K xử lý phần đất của ông C, diện tích 30.437,5m² để thi hành án giao cho ông Nguyễn Văn S, bà H để khấu trừ tiền thi hành án. Đối với phần đất còn lại không kê biên, xử lý của bà S diện tích 30.620,8m² thì chúng tôi đề nghị lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho một mình bà S đứng tên (BL 72). Ngày 16-6-2017, Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Đắk Nông đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 417189, thửa số 01, tờ bản đồ số TĐ 02-2017, diện tích 30.620,8m² đứng tên bà Trần Thị S, tọa lạc tại: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

[7]. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày hiện diện tích 30.620,8m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S (BL 119). Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 01-02-2018 người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Út L, anh Lê Tấn T thừa nhận không có chứng cứ gì chứng minh vào khối tài sản chung của hộ gia đình; thời điểm cấp đất năm 2009 thì chị Lê Thị Út L 18 tuổi, anh Lê Tấn T 14 tuổi. Ông C, bà S thống nhất với ý kiến của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng cũng không có chứng cứ, chứng minh nên không có cơ sở xem xét giải quyết (BL 231^a - 231^b).

[8]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[9]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Út L, anh Lê Tấn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 01-02-2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

[10]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên chị Lê Thị Út L, anh Lê Tấn T mỗi người phải nộp 300.000 đồng, được trừ 600.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 12 Điều 26; Điều 35; Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Áp dụng Điều 48, Điều 50, Điều 123 của Luật Đất đai năm 2003 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Điều 4 Thông tư số 14/2010, ngày 06-7-2010; điểm d Điều 12, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 01-02-2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T, anh Lê Văn N, chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Lê Văn N số tiền 3.845.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003470 ngày 23-3-2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T mỗi người phải nộp 300.000 đồng, được trừ 600.000 đồng tạm ứng án phí chị Lê Thị Út L và anh Lê Tấn T đã nộp theo biên số 0000163 và 0000164 ngày 13-02-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu: THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đỗ Đồng Chung